

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2020

V/v: “Ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Sơn và ông Nguyễn Huy Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2020/TLST - HNGĐ ngày 01/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST – HNGĐ ngày 13/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Trung K, sinh năm: 1990; nơi đăng ký HKTT và nơi cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Trung K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có khả năng sinh con và cũng không có khả năng làm thụ tinh nhân tạo vì không có điều kiện kinh tế. Vợ chồng không có sự chia sẻ động viên nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 4/2019

chị về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó; không còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh K.

- Về quan hệ con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung.

- Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hoàng Trung K không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia tố tụng để trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

[3] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Hoàng Trung K.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn đang cư trú tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K là đúng quy định.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện ly hôn của chị T; Tòa án nhân dân huyện B đã nhiều lần triệu tập anh K đến trụ sở Tòa án, trụ sở UBND xã B để giải quyết vụ án. Mặc dù anh K có mặt tại nơi cư trú và biết việc Tòa án triệu tập nhưng anh K đều không chấp hành tham gia tố tụng. Đại diện

Tòa án đã nhiều lần cùng với chính quyền địa phương xã B đến trực tiếp tìm gặp anh K tại nơi cư trú nhưng không gặp nên đã giao cho bố đẻ anh K Giấy triệu tập đương sự, Thông báo thụ lý vụ án và tiến hành niêm yết Giấy triệu tập đương sự, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng anh K vẫn không chấp hành đến để giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Hoàng Trung K tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 08/4/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam đến đầu năm 2019 thì chị T về nhà bố mẹ đẻ sống; vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng không có con và cũng không có khả năng làm thụ tinh nhân tạo do không có điều kiện kinh tế từ đó vợ chồng sinh chán nản, không có sự đồng cảm động viên nhau vượt qua khó khăn làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ khoảng tháng 4/2019 chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; vợ chồng chấm dứt quan hệ, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Xét thấy, chị T kiên quyết yêu cầu được ly hôn, anh K thì bỏ mặc không tham gia giải quyết vụ án tại tòa do vậy Hội đồng xét xử thấy khả năng chị T anh K đoàn tụ về chung sống là không còn; xử cho chị T ly hôn anh K là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Hoàng Trung K không có con chung.

[3] Về quan hệ tài sản (tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn): Do chị T tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết; anh K không tham gia giải quyết vụ án do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này chị T anh K có tranh chấp về tài sản thì anh chị có quyền đề nghị giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Hoàng Trung K.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Lê Thị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002559 ngày 01/6/2020 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T phải chịu. Chị T đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨMThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đặng Trần Anh Dũng
(Đã ký)